

ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG
THÔNG TIN ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY NĂM 2018 THEO KẾT QUẢ THI THPT QUỐC GIA

Cập nhật ngày 20/9/2018

TT	Tên ngành/Nhóm ngành	Mã ĐKXT	Chỉ tiêu dự kiến	Tổ hợp xét tuyển	Mã tổ hợp xét tuyển	Tiêu chí phụ đối với các thí sinh bằng điểm	Điểm chuẩn giữa các tổ hợp	Ngưỡng DBCL đầu vào	Tuyển sinh kỳ I	Tuyển sinh kỳ II	GHI CHÚ
I	PHÂN HIỆU KON TUM	DDP	100								
1	Giáo dục Tiểu học	7140202	10	1. Toán + Vật lý + Hóa học 2. Toán + Địa lý + GDCD 3. Ngữ văn + Lịch sử + Địa lý 4. Ngữ văn + Toán + Tiếng Anh	1. A00 2. A09 3. C00 4. D01	Không	Bằng nhau	ĐXT >= 17,5	x	x	
2	Kinh tế phát triển	7310105	10	1. Toán + Vật lý + Hóa học 2. Toán + Địa lý + GDCD 3. Ngữ văn + Lịch sử + Địa lý 4. Ngữ văn + Toán + Tiếng Anh	1. A00 2. A09 3. C00 4. D01	Không	Bằng nhau	ĐXT >= 14,5	x	x	
3	Quản trị kinh doanh	7340101	10	1. Toán + Vật lý + Hóa học 2. Toán + Địa lý + GDCD 3. Ngữ văn + Lịch sử + Địa lý 4. Ngữ văn + Toán + Tiếng Anh	1. A00 2. A09 3. C00 4. D01	Không	Bằng nhau	ĐXT >= 14,00	x	x	
4	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	7810103	10	1. Toán + Vật lý + Hóa học 2. Toán + Địa lý + GDCD 3. Ngữ văn + Lịch sử + Địa lý 4. Ngữ văn + Toán + Tiếng Anh	1. A00 2. A09 3. C00 4. D01	Không	Bằng nhau	ĐXT >= 14,00	x	x	
5	Tài chính - Ngân hàng	7340201	10	1. Toán + Vật lý + Hóa học 2. Toán + Địa lý + GDCD 3. Ngữ văn + Lịch sử + Địa lý 4. Ngữ văn + Toán + Tiếng Anh	1. A00 2. A09 3. C00 4. D01	Không	Bằng nhau	ĐXT >= 14,10	x	x	
6	Kế toán	7340301	10	1. Toán + Vật lý + Hóa học 2. Toán + Địa lý + GDCD 3. Ngữ văn + Lịch sử + Địa lý 4. Ngữ văn + Toán + Tiếng Anh	1. A00 2. A09 3. C00 4. D01	Không	Bằng nhau	ĐXT >= 14,15	x	x	
7	Luật kinh tế	7380107	10	1. Toán + Vật lý + Hóa học 2. Toán + Địa lý + GDCD 3. Ngữ văn + Lịch sử + Địa lý 4. Ngữ văn + Toán + Tiếng Anh	1. A00 2. A09 3. C00 4. D01	Không	Bằng nhau	ĐXT >= 14,00	x	x	
8	Kinh doanh nông nghiệp	7620114	10	1. Toán + Vật lý + Hóa học 2. Toán + Địa lý + GDCD 3. Ngữ văn + Lịch sử + Địa lý 4. Ngữ văn + Toán + Tiếng Anh	1. A00 2. A09 3. C00 4. D01	Không	Bằng nhau	ĐXT >= 14,05	x	x	
9	Công nghệ thông tin	7480201	10	1. Toán + Vật lý + Hóa học 2. Toán + Vật lý + Tiếng Anh 3. Toán + Vật lý + Địa lý 4. Toán + Hóa học + Sinh học	1. A00 2. A01 3. A04 4. B00	Không	Bằng nhau	ĐXT >= 14,30	x	x	
10	Kỹ thuật xây dựng (Chuyên ngành Xây dựng dân dụng & công nghiệp)	7580201	10	1. Toán + Vật lý + Hóa học 2. Toán + Vật lý + Tiếng Anh 3. Toán + Vật lý + Địa lý 4. Toán + Hóa học + Sinh học	1. A00 2. A01 3. A04 4. B00	Không	Bằng nhau	ĐXT >= 15,65	x	x	